

ẢNH HƯỞNG CỦA PHƯƠNG PHÁP HỌC THÔNG QUA THỰC HÀNH DẠY TRONG VIỆC HỌC MÔN NGỮ PHÁP TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN HỌC CHƯƠNG TRÌNH B1, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ĐỖ TUẤN LONG*

Nước ta đang thực hiện triển khai đổi mới căn bản, toàn diện, đòi hỏi các trường đại học không chỉ đào tạo ra nguồn nhân lực thông thạo về lý thuyết mà còn phải biết vận dụng, ứng dụng những kiến thức đó vào thực tiễn đời sống. Con người muốn tồn tại và phát triển trong xã hội này thì phải học và học suốt đời để vươn lên tự hoàn thiện mình theo hướng bốn trụ cột của giáo dục mà UNESCO đã nêu là học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để làm người. Vì thế, năng lực học của người học cần phải được nâng lên mạnh mẽ, trước hết “biết cách học”.

Người Việt Nam nói chung và học sinh Việt Nam nói riêng luôn gặp những khó khăn lớn trong việc học ngoại ngữ (tiếng Anh), đặc biệt là học ngữ pháp. Hiện nay, nền giáo dục nước ta đang có những cải cách sâu rộng về cách dạy và học ngoại ngữ với đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 nhằm mục đích đưa học sinh, sinh viên (SV) của ta trở thành những người có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ ở từng cấp độ (1). Do vậy, phương pháp “*Học thông qua thực hành dạy*” được áp dụng tốt sẽ nâng cao hiệu quả học tập của SV.

1. Đặc điểm của “*Học thông qua thực hành dạy*”

“*Học thông qua thực hành dạy*” (Learning by Teaching) được tiến sĩ Jean Pol Martin sáng tạo và hoàn thiện năm 1980. Tên tiếng Đức là “*Lernen durch Lehren*” (LdL). Phương pháp này được áp dụng đầu tiên tại các lớp học tiếng Pháp bậc trung học cơ sở tại Đức và có hiệu quả cao (2).

Bản chất của phương pháp này là thông qua việc chuẩn bị bài, giảng bài, trả lời các câu hỏi của các bạn trong lớp sau bài giảng, người dạy sẽ tiếp thu được các kiến thức không chỉ của bài học mà còn học được các kĩ năng cần thiết của thuyết trình. Có ba thành tố tham gia vào quá trình dạy học: 1) Giáo viên chuyên nghiệp, chính là các thầy, cô dạy học; 2) Giáo viên không chuyên, người dạy trực tiếp; 3) Người học (các bạn còn lại trong lớp).

2. Thực nghiệm “*Học thông qua thực hành dạy*”

1) *Mục đích của thực nghiệm.* Như đã phân tích ở phần trên, LdL mang lại hiệu quả cao cho người học thông qua việc chuẩn bị bài cũng như trao đổi với bạn học trong giờ dạy, và thực nghiệm này nhằm mục đích tìm ra hiệu quả định lượng của LdL trong lớp ngữ pháp tiếng Anh (đối với SV học chương trình B1, sách giáo khoa **New English File**, trình độ trung cấp). Để đảm bảo tính khách quan của thực nghiệm, tác giả đã chọn 2 lớp ở trình độ B1.

2) *Nội dung thực nghiệm.* Trong thực nghiệm này, tác giả chia lớp ra làm 6 nhóm, mỗi nhóm có 5 thành viên. Nhiệm vụ của các nhóm: - Chuẩn bị bài ngữ pháp để giảng cho cả lớp vào tuần được phân công; - Giảng bài trên lớp; - Trả lời các câu hỏi thảo luận. Sau khi nhóm đó thuyết trình, tác giả cho nhóm làm một bảng câu hỏi về thái độ của nhóm trước và sau khi thuyết trình cũng như nhóm học được gì thông qua quá trình làm việc nhóm.

3) *Tổ chức thực nghiệm.* Thông tin về lớp thực nghiệm: 30 SV (10 nam/20 nữ), độ tuổi: 20-23, SV lớp FLF 1107-30. Các SV này đang ở trình độ A2 theo CEFR (Common European Framework Reference for languages - Khung tham chiếu châu Âu về năng lực ngôn ngữ, có sáu bậc từ A1 đến C2) và kết thúc khóa học, họ cần đạt được trình độ B1.

Ngày đầu tiên của kì học, giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm có 5 thành viên. Giáo viên yêu cầu các nhóm về chuẩn bị bài giảng, là các chủ đề ngữ pháp của từng bài học trong sách giáo khoa **New English File**. Từ tuần thứ 2 trở đi, các nhóm bắt đầu tiến hành dạy. Trình tự bài giảng như sau (bảng 1).

4) *Kết quả thực nghiệm.* Kết quả của thực nghiệm dựa trên việc phân tích và so sánh: 1) Số SV đạt chuẩn đầu ra và qua môn học; 2) Điểm tiến độ 1; 3) Điểm tiến độ 2; 4) Điểm cuối kì; 5) Điểm môn học.

* Khoa tiếng Anh, Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội

Bảng 1. Trình tự tại lớp học

TT	Nội dung/thời gian	Người làm	Ghi chú
1	Khởi động (10 phút)	Giáo viên	
2	Dạy ngữ pháp (45 phút)	Học sinh	
3	Dạy các kĩ năng khác + Luyện tập (100 phút)	Giáo viên	

Lớp đối chứng do tác giả dạy, tổng số là 33 SV (8 nam/26 nữ), độ tuổi: 19-24, SV lớp FLF 1107-01, trình độ đầu vào A2, đầu ra B1. Sau khi có kết quả học tập của SV, kết quả số lượng SV đạt chuẩn đầu ra và qua môn học như sau (bảng 2):

Bảng 2. Số lượng SV qua môn học và đạt chuẩn đầu ra

Thông tin	Số SV qua môn học	Số SV đạt chuẩn đầu ra
Lớp thực nghiệm	23 (76,67%)	15 (50%)
Lớp đối chứng	20 (60,6%)	10 (30,3%)

Có thể thấy, số lượng SV đạt điểm yêu cầu môn học và chuẩn đầu ra của lớp thực nghiệm cao hơn hẳn lớp đối chứng với 76,67% và 50%.

Tiếp tục việc so sánh điểm tiến độ 1, điểm tiến độ 2 và điểm môn học, kết quả như sau (xem bảng 3, 4, 5):

Bảng 3. Kết quả kiểm tra tiến độ 1

Tiêu chí	Đạt								Ko đạt
	A+	A	B+	B	C+	C	D+	D	
Lớp thực nghiệm (số lượng)	1	1	7	4	4	5	5	3	1
Lớp đối chứng (số lượng)	0	0	1	5	1	4	9	6	7

Bảng 4. Kết quả kiểm tra tiến độ 2

Tiêu chí	Đạt								Ko đạt
	A+	A	B+	B	C+	C	D+	D	
Lớp thực nghiệm (số lượng)	0	0	2	6	6	7	0	8	1
Lớp đối chứng (số lượng)	0	0	0	2	4	2	11	7	7

Bảng 5. Kết quả bài cuối khóa

Tiêu chí	Đạt								Ko đạt
	A+	A	B+	B	C+	C	D+	D	
Lớp thực nghiệm (số lượng)	0	1	1	5	7	4	3	3	6
Lớp đối chứng (số lượng)	0	0	0	0	0	4	5	8	16

So sánh điểm trung bình cộng các đầu điểm của SV lớp thực nghiệm và đối chứng, kết quả (xem bảng 6):

Bảng 6. Điểm trung bình cộng các đầu điểm

Tiêu chí	Điểm tiến độ 1	Điểm tiến độ 2	Điểm cuối khóa	Điểm môn học	Ghi chú
Lớp thực nghiệm	6,7	5,8	5,1	5,6	
Lớp đối chứng	4,2	3,8	4,1	4,1	

Ghi chú: - Quy chế đào tạo 3079/QĐ-ĐHQG HN năm 2010, tại điều 46, chương VIII ghi rõ điểm qua môn học là điểm tổng kết lớn hơn hoặc bằng 4,0. Cách tính điểm chữ theo quy chế 3079: A+: 9,0-10,0; A: 8,5-8,9; B+: 8,0-8,4; B: 7,0-7,9; C+: 6,5-6,9; C: 6,0-6,4; D+: 5,0-5,4; D: 4,0-4,9; F: Dưới 4,0.

- Theo quyết định 1437/TB-ĐHNN, ngày 27/12/2013, SV đạt chuẩn đầu ra B1 nếu SV có điểm môn học từ 5,0 trở lên, và điểm tiến độ 2 (môn Nói) từ 5,0 trở lên.

3. Qua kết quả thực nghiệm trên, có thể thấy, hiệu quả của LdL rất cao trong dạy học. Số lượng SV đạt chuẩn đầu ra cũng như qua môn học ở lớp thực nghiệm tăng đáng kể so với lớp đối chứng, cụ thể điểm trung bình môn học của lớp thực nghiệm là 5,6 (tăng 36,6% so với điểm trung bình môn học của lớp đối chứng chỉ là 4,1).

Kết quả này là do hai yếu tố mang lại: 1) Việc làm nhóm cùng với việc dạy đã yêu cầu SV phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà để hiểu và sau đó dạy cho bạn; thông qua việc dạy kết hợp với việc tóm tắt của thầy trên lớp, SV sẽ hiểu bài sâu hơn và kết quả là các em sẽ đạt kết quả cao hơn; 2) LdL giúp các em dần dần hình thành thói quen tự học: có đến 83% số SV trong lớp thực nghiệm nói rằng các em đã tự nghiên cứu trước nội dung bài học cho dù mình không phải thuyết trình trên lớp; 87% số SV cho rằng phương pháp này nên được áp dụng rộng rãi bởi nó giúp các em cơ hội được chia sẻ và thể hiện khả năng tự nghiên cứu, thuyết trình trước đám đông.

LdL là phương pháp hay đã được ứng dụng nhiều với các môn học khác nhau, đặc biệt môn ngữ pháp tiếng Anh và hiệu quả cao. Qua nghiên cứu và thực nghiệm, chúng tôi thiết nghĩ: 1) LdL được nghiên cứu kĩ hơn trong hoàn cảnh giáo dục Việt Nam, tìm ra các nguyên lí chung khi áp dụng vào việc dạy và học trong nhà trường tại Việt Nam; 2) Phương pháp này được ứng dụng rộng rãi hơn nữa trong các môn học, đặc biệt là các môn có tính tương tác cao và không yêu cầu quá cao mức độ học thuật của người học. □

(1) Grzega, Joachim/Schoener, Marion. "The Didactic Model LdL (Lernen durch Lehren) as a Way of Preparing Students for Communication in a Knowledge Society". *Journal of Education for Teaching* 34(3): 167-175.

(2) Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2008-2020".

(Xem tiếp trang 59)

HS. Ở mỗi KN thành phần trong nhóm các KNTH cần có, GV tổ chức cho HS rèn luyện theo *quy trình 5 bước*: *Bước 1*: Nhận nội dung học tập, nêu rõ nhiệm vụ nhận thức, các KN HS cần đạt được và mức độ đạt yêu cầu đối với KN đó. *Bước 2*: Liệt kê trình tự các thao tác, giải thích cách thức thực hiện từng thao tác đối với KN cần rèn luyện. *Bước 3*: Trình bày mẫu lần lượt các thao tác của KN trên nội dung học. *Bước 4*: Dạy cách thảo luận, nhận xét, tự kiểm tra việc thực hiện KN. *Bước 5*: Giao nhiệm vụ tự học mới đòi hỏi HS tự thực hiện KN trong điều kiện tương tự, có trợ giúp trí nhớ khi HS quên thao tác nào đó.

Mỗi nội dung học tập mà GV thiết kế bảo đảm theo trình tự 5 bước như trên sẽ tạo môi trường học tập cho HS, giúp các em không những chiếm lĩnh kiến thức cho bản thân mà còn rèn luyện những KNTH cần thiết, hình thành NLTH, tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình tiếp thu kiến thức.

Nhờ những ưu điểm, tính năng vượt trội của E-learning, trong đó nổi bật là tính tương tác cao, mềm dẻo, phân hóa người học, nội dung học tập đa dạng phong phú nhờ sự hỗ trợ của truyền thông đa phương tiện..., nên GV dễ dàng cung cấp cho HS các bài giảng điện tử, các phần mềm DH, tài liệu tham khảo trực quan sinh động, kích thích, khơi gợi hứng thú học tập của HS. Thông qua việc thiết kế các module tương ứng với từng nội dung của chương "*Hạt nhân nguyên tử*", bước đầu chúng tôi đã tạo ra một môi trường học tập mà ở đó, HS chỉ cần có máy vi tính, laptop hoặc smartphone được kết nối internet là có thể dễ dàng tự học theo cách riêng phù hợp với bản thân HS. Học tập với E-learning, HS có thể học mọi nơi, mọi lúc, chủ động trong học tập nhờ đó chất lượng DH cũng được nâng cao hơn trước. □

(1) Nguyễn Văn Hồng. "Sử dụng hệ thống E-learning hỗ trợ việc dạy học ở đồng bằng sông Cửu Long". *Tạp chí Giáo dục*, số 213 (kì 1- 5/2009).

(2) Lê Thanh Huy. *Tổ chức hoạt động dạy học Vật lý đại cương trong các trường đại học theo học chế tín chỉ với sự hỗ trợ của E-learning*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Huế, 2013.

(3) Mai Văn Trinh - Trương Thị Phương Chi. "Xây dựng hệ thống E-learning hỗ trợ dạy học phần Quang hình học (Vật lý 11)". *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt (10/2011).

(4) Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

(5) Lê Trọng Dương. *Hình thành và phát triển năng lực tự học cho sinh viên ngành toán hệ Cao đẳng sư phạm*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Vinh, 2006.

(6) Hồ Sỹ Anh. "Tự học, tự nghiên cứu đối với giáo viên phổ thông - những năng lực quan trọng để dạy học sinh biết tự học, tự nghiên cứu". Kỷ yếu hội thảo khoa học *Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*. Trường Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh, 2013.

(7) Phạm Xuân Quế - Ngô Diệu Nga - Nguyễn Văn Biên - Nguyễn Anh Thuận - Thạch Thị Đào Liên - Nguyễn Văn Nghiệp - Nguyễn Trọng Sửu. *Hướng dẫn dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh cấp trung học phổ thông* (Tài liệu tập huấn), H. 2014.

(8) Nguyễn Thị Thanh Hồng. *Tổ chức tự học giáo dục học cho sinh viên đại học sư phạm qua E-learning*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2012.

(9) Trần Sỹ Luận. *Rèn luyện cho học sinh kỹ năng tự học trong dạy học Sinh học 11 trung học phổ thông*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2013.

SUMMARY

Capacity development oriented teaching is widely carried out for educational sector, among these capacities self-learning plays a core role. For high school, practicing and improving self-learning capacity in order to provide students with sufficient "luggage" for higher education is carried out at schools by every teacher. The article proposes criteria to build E-learning with the role of one of modern teaching/learning means which effectively supports self-learning capacity improvement oriented teaching. This trend helps students learn all their life.

Ảnh hưởng của phương pháp học...

(Tiếp theo trang 64)

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 3079/QĐ-ĐHQGHN ngày 26/10/2010 của Giám đốc Đại học quốc gia Hà Nội về "Quy chế đào tạo đại học ở Đại học quốc gia Hà Nội".

2. Quyết định số 1437/TB-ĐHNN ngày 27/12/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội về "Xác định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học chính quy ở Đại học quốc gia Hà Nội".

SUMMARY

"Learning by teaching" (LdL) is the method which helps students learn effectively, stimulates their dynamics in the learning process. This method has been applied in many subjects of different courses and has led to good results. The significant results can be seen in English classes, especially English grammar ones.